

Số: ____/17/KIS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Tp.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2017.

CÔNG VĂN GIẢI TRÌNH

(về biến động kết quả kinh doanh của quý 1/2017 so với quý 1/2016)

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM (HOSE)

Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên TTCK, trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ 10% trở lên, công ty chứng khoán phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn đến những biến động bất thường đó trong báo cáo tài chính quý.

Nay, công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam (gọi tắt là “công ty”) làm công văn giải trình về biến động kết quả kinh doanh của quý 1/2017 (kỳ báo cáo) so với quý 1/2016 như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước	(+) Tăng / (-) Giảm	Tỷ lệ tăng giảm
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	88,272,533	2,390,211,901	(2,301,939,368)	-96%
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	922,932	853,472	69,460	8%
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	80,584,001	1,790,927,829	(1,710,343,828)	-96%
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	6,765,600	598,430,600	(591,665,000)	-99%
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	17,230,694,432	3,298,574,764	13,932,119,668	422%
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	13,496,964,071	30,632,581,362	(17,135,617,291)	-56%
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	12,215,735,770	23,056,718,925	(10,840,983,155)	-47%
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	495,208,535	561,936,971	(66,728,436)	-12%
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	690,839,469	68,181,818	622,657,651	913%
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	4,821,089	119,190,599	(114,369,510)	-96%
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01-->11)	20	44,222,535,899	60,127,396,340	(15,904,860,441)	-26%
0					
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21	86,077,688	8,523,215	77,554,473	910%
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	86,077,688	8,523,215	77,554,473	910%
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	24	6,431,329,552	2,901,759,221	3,529,570,331	122%
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26	77,511,404	105,446,021	(27,934,617)	-26%
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	11,331,420,439	18,682,347,567	(7,350,927,128)	-39%
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	428,893,185	657,006,895	(228,113,710)	-35%
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	326,826,666	213,830,499	112,996,167	53%
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21-->32)	40	18,682,058,934	22,568,913,418	(3,886,854,484)	-17%
0					
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		18,250	(18,250)	-100%

3.2. Doanh thu, dự thu cố tức, lãi tiền gửi không cố định	42	148,534,066		148,534,066	
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41-->44)	50	148,534,066	18,250	148,515,816	813785%
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				0	
4.2. Chi phí lãi vay	52	24,383,528		24,383,528	
Cộng chi phí tài chính (60 = 51-->55)	60	24,383,528		24,383,528	
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61			0	
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	13,758,090,528	12,417,117,590	1,340,972,938	11%
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 -60-61-62)	70	11,906,536,975	25,141,383,582	(13,234,846,607)	-53%
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				0	
8.1. Thu nhập khác	71	54,182	180,393	(126,211)	-70%
8.2. Chi phí khác	72	16,162	55	16,107	29285%
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	80	38,020	180,338	(142,318)	-79%
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	90	11,906,574,995	25,141,563,920	(13,234,988,925)	-53%
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91	11,825,990,994	23,350,636,091	(11,524,645,097)	-49%
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92	80,584,001	1,790,927,829	(1,710,343,828)	-96%
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	2,381,314,999	5,028,312,784	(2,646,997,785)	-53%
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	2,381,314,999	5,028,312,784	(2,646,997,785)	-53%
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200	9,525,259,996	20,113,251,136	(10,587,991,140)	-53%

Trong quý I/2017, công ty lãi 11.9 tỷ đồng, giảm 13.2 tỷ đồng (tương ứng giảm 53%) so với cùng kỳ năm trước do tốc độ tăng doanh thu giảm đồng thời tăng chi phí quản lý doanh nghiệp, cụ thể là:

- Tổng doanh thu hoạt động giảm 15.9 tỷ đồng (26%) so với kỳ trước chủ yếu do doanh thu môi giới giảm 10.8 tỷ (47%) & doanh thu lãi cho vay ký quỹ & ứng trước giảm 17.1 tỷ (56%)
- Trong khi đó, chi phí QLDN tăng 1.3 tỷ (11%) chủ yếu do chi phí marketing, thuê mặt bằng chi nhánh mới, sử dụng dịch vụ Bloomberg & phí bảo trì.

Trên đây là những nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch về kết quả kinh doanh quý I/2017 so với cùng kỳ năm trước của Công ty CP chứng khoán KIS Việt Nam.

Công ty xin báo cáo Quý cơ quan được biết.

Trân trọng!

UQ Tổng giám đốc



Lee Hun Woo